

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên.

2. Ông Nguyễn Tấn Sĩ

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-HN, ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Ngọc Th, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung:

- Huỳnh Phúc T, sinh ngày 31/3/2008.

- Huỳnh Khải M, sinh ngày 22/4/2010.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Lê Thị Thanh Nh, sinh năm 1972. Có mặt

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- Ông Phan Thanh D, sinh năm 1958. Xin vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc Th trình bày:

Năm 2007 chị và anh Huỳnh Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng vẫn không có kết quả, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân:* Yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

- *Về con chung:* Có 02 con tên Huỳnh Phúc T, sinh ngày 31/3/2008 và Huỳnh Khải M, sinh ngày 22/4/2010, con theo ai thì người đó nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Phan Thị Ngọc Th về quan hệ hôn nhân, về con; nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do chị Th thường xuyên đi uống rượu và nói chuyện điện thoại với người khác anh đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Th vẫn không thay đổi từ đó giữa vợ chồng xảy ra cự cãi. Do còn thương vợ con nên anh xin được đoàn tụ, nhưng nếu vợ kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

- *Về con chung:* Có 02 con tên Huỳnh Phúc T, sinh ngày 31/3/2008 và Huỳnh Khải M, sinh ngày 22/4/2010. Theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Anh có liệt kê và yêu cầu chia đôi tài sản gồm 01 căn nhà và đất ở diện tích khoảng nửa công đất; đất nuôi tôm khoảng 4,5 công tọa lạc tại ấp T, xã Mỹ L. Quá trình giải quyết anh không có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

- *Về nợ chung:* Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C tiền vốn 12.000.000 đồng hàng tháng anh trừ lương đến nay còn nợ khoản 9.000.000

đồng, vợ chồng đã thỏa thuận với Ngân hàng xong nên không đề cập đến. Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị trấn M số tiền vốn 170.000.000 đồng hàng tháng anh trừ lương đến nay còn nợ khoản 150.000.000 đồng và nợ đại lý thức ăn Thú y D tại ấp Tư, xã Mỹ L số tiền 30.000.000 đồng không đề cập đến.

Đối với khoản tiền nợ của chị Lê Thị Thanh Nh 60.234.000 đồng yêu cầu vợ chồng chia đôi trả. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Huỳnh Phúc T và cháu Huỳnh Khải M trình bày: Cha con tên Huỳnh Văn T và mẹ con tên Phan Thị Ngọc Th. Nếu cha mẹ ly hôn con Huỳnh Phúc T có nguyện vọng sống với Mẹ; con Huỳnh Khải M có nguyện vọng sống với Cha.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh Nh trình bày: Năm 2017 vợ chồng anh T có mua thức ăn nuôi tôm của chị khi mua hai bên có giao đến khi thu hoạch trả tiền nhưng khi thu hoạch tôm thất không trả mà đến khi tôm trúng vợ chồng anh T mới trả và chỉ trả một ít nên nợ lại và tiếp tục mua thức ăn nuôi tôm cho đến nay còn nợ chị số tiền là 60.234.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh T và chị Th có trách nhiệm trả đủ số tiền nêu trên, chị không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh D và bà Nguyễn Thị T trình bày: Vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng chị Th, anh T vay tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Nay ông, bà yêu cầu anh T, chị Th trả đủ số tiền này. Quá trình giải quyết ông D, bà T rút lại toàn bộ yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị trấn M; Ngân hàng chính sách xã hội huyện C và Đại lý thức ăn Thú y D tại ấp T, xã M đều không có yêu cầu khởi kiện trong cùng vụ kiện này nên Tòa án không đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị trấn M; Ngân hàng chính sách xã hội huyện C và Đại lý thức ăn Thú y D tại ấp T, xã M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Văn T; Về con chung chị yêu cầu được nuôi dưỡng Huỳnh Phúc T, sinh ngày 31/3/2008 và để anh T nuôi dưỡng Huỳnh Khải M theo nguyện vọng của 02 con không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Đồng ý thỏa thuận cùng anh T mỗi người có trách nhiệm trả cho chị Nh số tiền là 30.117.000 đồng. Ngoài ra các khoản nợ khác do không có yêu cầu nên không đề cập đến.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn T đồng ý ly hôn, về con chung đồng ý theo ý kiến của chị Th; Về tài sản không yêu cầu xem xét để chia; Về nợ chung đồng ý thỏa

thuận vợ chồng chia đôi trả nợ cho chị Nh số tiền 60.234.000 đồng. Ngoài ra các khoản nợ khác do không có yêu cầu nên không đề cập đến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh Nh thống nhất theo sự thỏa thuận của chị Th và anh T mỗi người có trách nhiệm trả cho chị số tiền 30.117.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết ông D và bà T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phan Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Huỳnh Văn T; Về con chung: Chị Th được quyền nuôi cháu Huỳnh Phúc T; anh T được quyền nuôi cháu Huỳnh Khải M theo nguyện vọng của 02 con; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về khoản nợ 60.234.000 đồng của chị Nh đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, chị Th và anh T mỗi người có trách nhiệm trả cho chị Nh số tiền 30.117.000 đồng. Đối với khoản nợ ông D và bà T yêu cầu quá trình giải quyết ông, bà rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của ông D. Về các khoản nợ khác do các đương sự không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ kiện này nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phản kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Phan Thanh D và bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, xin nuôi con; về tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Anh T không có yêu cầu phản tố nào khác. Quá trình giải quyết chị Nh có đơn yêu cầu vợ chồng chị Th, anh T trả nợ cho chị. Hội

đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung”. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc Th:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Th và anh T đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị Th và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Th khai nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T thường hay ghen tuông vô cớ từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết xin ly hôn với anh T.

Anh T khai nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Th thường xuyên đi uống rượu và nói chuyện điện thoại với người khác mặc dù anh đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Th vẫn không thay đổi từ đó giữa vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay.

Xét thấy hạnh phúc vợ chồng chỉ thật sự đạt được khi cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững, nhưng quá trình chung sống giữa anh chị chưa thống nhất với nhau về quan điểm, về ứng xử giao tiếp; khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình cùng nhau góp ý, xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị bỏ mặt dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin được ly hôn với anh T. Xét chị Th và anh T không có thiện chí hàn gắn, không còn quan tâm đến nhau, tại phiên tòa anh T cũng đồng ý ly hôn, nên việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng không có kết quả, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh, chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Có 02 con tên Huỳnh Phúc T, sinh ngày 31/3/2008 và Huỳnh Khải M, sinh ngày 22/4/2010. Xét từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; anh T nuôi dưỡng cháu M đều đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của các con. Hơn nữa anh, chị cũng thống nhất là chị Th nuôi cháu T, anh T nuôi cháu M theo nguyện vọng của các con là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[3.4] Đối với các khoản nợ: Trong quá trình giải quyết anh T khai nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị trấn M và nợ Đại lý thức ăn Thú y D tại ấp T, xã M. Tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chính sách Xã hội huyện C; người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị trấn M và Đại lý thức ăn Thú y D tại ấp T, xã M không làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, nên không xem xét giải quyết.

Về khoản nợ ông D và bà T yêu cầu anh T và chị Th trả, trong quá trình giải quyết ông, bà rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên đình chỉ toàn bộ yêu cầu này của ông D.

Riêng khoản nợ thiếu chị Lê Thị Thanh Nh: Chị Th, anh T và chị Nh đồng ý thỏa thuận chị Th và anh T mỗi người có trách nhiệm trả cho chị Nh số tiền là 30.117.000 đồng, nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này giữa chị Th, anh T và chị Nh; Về lãi suất chị Nh không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Nh bằng 1.505.850 đồng ($30.117.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.505.850 \text{ đồng}$); anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Nh bằng 1.505.850 đồng ($30.117.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.505.850 \text{ đồng}$).

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 440 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Phan Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Phan Thị Ngọc Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Phúc T, sinh ngày 31/3/2008.

Anh Huỳnh Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Khải M, sinh ngày 22/4/2010.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. *Về tài sản chung*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

5. *Về nợ chung*: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Th, anh T và chị Nhanh. Chị Th và anh T mỗi người có trách nhiệm trả cho chị Nh số tiền là 30.117.000 đồng (ba mươi triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Phan Thanh D. Do ông D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

6. *Về án phí*:

- Buộc chị Phan Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số 0009533, ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu và chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.505.850 đồng (một triệu năm trăm lẻ năm nghìn tám trăm năm chục) đồng.

- Buộc anh Huỳnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.505.850 đồng (một triệu năm trăm lẻ năm nghìn tám trăm năm chục) đồng.

- Chị Lê Thị Thanh Nh không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Nh số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.506.000 đồng (một triệu năm trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002737 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Mai